

# NHỮNG CON CHỮ DIU DÀNG CỦA VICTOR HUGO

## LES MISÉRABLES (1)

Tạm gọi “cuối cùng” của bài viết này (nhưng có thể chưa “HẾT” nếu còn hứng thú viết tiếp) là những giòng văn Victor Hugo với Les Misérables (Những Kẻ Khốn Cùng) đọc khi 12 tuổi trong trạng thái cứng người rung cảm; mới dạo tháng 8. 2018 vừa qua về VN với Vân San, đem theo bộ ba quyển đọc trong khách sạn Nha Trang, vẫn thấy dạt dào xúc động như xưa, đặc biệt ở chương viết về Jean Valjean và chương về con bé Cosette (tự TTBG chuyển ngữ) như sau:

\*

\* \*

### QUYỂN II

#### Chương 1

#### Sau Một Ngày Đường

*Vào những ngày đầu tháng Mười năm 1815, khoảng một giờ trước khi mặt trời lặn, có người đàn ông đi bộ vào khu phố Digne bé nhỏ. Dăm ba kẻ bán hàng khi ấy còn đứng ngoài cửa sổ hoặc nơi cửa chính, đưa mắt nhìn khách bộ hành, vẻ nghi ngại.*

*Thật khó mà thấy người đi đường nào tồi tàn hơn thế! Hắn khoảng trên bốn mươi lăm tuổi, dáng tầm thước, to ngang và vạm vỡ trông đương sung sức. Chiếc mũ cát kết có lưỡi trai bằng da sụp xuống trán che khuất một phần khuôn mặt sạm nắng mồ hôi nhễ nhại. Chiếc sơ mi vải thô màu vàng, cổ cài mở neo bạc, để lộ ra cái ngực đầy lông. Chiếc cà vạt vắn lại như một mẫu thừng. Cái quần bằng vải to màu xanh đã cũ nát, một bên gối bạc phếch và một bên bị thủng. Cái áo khoác cũ màu xám, nơi khuỷu tay rách mướp có một miếng dạ xanh khâu ghép bằng dây gai. Trên lưng, một chiếc ba lô quân đội còn mới, căng cứng và buộc giây kỹ lưỡng. Nơi tay là chiếc gậy gộc có đốt, chân không tất mang một đôi giày đinh. Đầu húi trọc, râu để dài.*

*Con người đã tồi tàn như thế lại còn cuộc bộ ngoài nắng mồ hôi ướt đầm, bụi bặm đầy mình nên càng thêm vẻ ghê tởm. Đầu thì trọc, nhưng tóc lởm chồm mới mọc, hình như gần đây không được húi.*

Chẳng ai biết rõ hắn ta. Cố nhiên hắn chỉ là một kẻ qua đường. Nhưng hắn ở đâu tới? Từ miền Nam? Có lẽ là từ miền bắc. Đoán thế là bởi hắn vào thành phố Digne cũng bằng con đường mà bảy tháng trước đây Hoàng đế Napoléon đã đi qua khi từ Cannes đến Paris. Chắc hắn đã cuộc bộ suốt ngày nên coi về mệt nhọc lắm.

Mấy người đàn bà phố cũ phía Nam đã thấy hắn nghỉ lại dưới rặng cây trên đường Gassendi, vục mặt vào máy nước đầu đường mà uống. Hắn đã khát lắm, lũ trẻ con đi theo thấy hắn lại dừng ở máy nước sân chợ cách đây hai trăm bước, và uống nữa.

Đến góc phố Poichevet hắn rẽ sang trái, tiến về phía thị sảnh. Hắn vào đó, mười lăm phút sau lại bước ra. Một viên lính sen đăm ngồi trên ghế đá cạnh cửa chính, chiếc ghế mà hôm mồng Bốn tháng Ba tướng Drouot đã trèo lên để tuyên đọc cho quân chúng nhân dân thành Digne đang kính hoàng nghe tờ tuyên ngôn của Napoléon làm ra ở vịnh Juan.

Hắn bỏ mũ, khúm núm chào. Viên lính không chào lại, chăm chú nhìn hắn, trông theo hắn một lúc rồi bỏ đi vào trong công quán.

\*

\* \*

Ngày ấy ở Digne có một hàng cơm lịch sự tên hiệu Croix-de-Colbas. Chủ quán, Jacquin Labarre cũng là một tay được nể vì trong thành phố vì y có họ với một anh Labarre khác.

Anh Labarre nói sau là chủ hàng cơm Trois-Dauphins ở Grenoble và đã từng phục vụ trong đội quân hướng đạo. Đạo Hoàng đế Napoléon đổ bộ lên đất liền, trong xứ người ta đồn nhiều về hàng cơm Trois-Dauphins này lắm. Có người kể rằng vào tháng Giêng năm ấy, tướng Bertrand<sup>1</sup> cải trang làm phu xe bò, thường hay đi lại trong vùng, phân phát nhiều huân chương cho lính tráng và từng vốc bạc cho bọn thị dân.

Sự thật là khi Napoléon vào Grenoble, ngài đã từ chối không đến ngự ở thị sảnh. Ngài cảm ơn ông thị trưởng và nói: “Tôi đến nhà một người tốt mà tôi quen biết”, rồi đi đến quán cơm Trois-Dauphins.

Cái vinh dự của anh Labarre ở hàng cơm Trois-Dauphins chiếu xa ngoài hai mươi dặm đến tận cái anh Labarre ở quán cơm Croix-de-Colbas. Hàng phố người ta thường chỉ trỏ: “Ấy, ông này là em họ của ông Labarre ở Grenoble đó.”

Người lữ khách đi về phía hàng cơm Croix-de-Colbas, nơi chứa trọ tốt nhất trong vùng. Hắn bước thẳng vào bếp đặt ở cạnh đường. Tất cả các hỏa lò đang đỏ rùng rục; trong lò sưởi củi cháy ngùn ngụt. Chủ quán và cũng là đầu bếp, hết thổi lửa lại bận rộn theo các xoong chảo, thúc bách sửa soạn bữa cơm ngon cho bọn phu xe tải đang cười nói âm ỉ ở buồng bên.

---

<sup>1</sup> Bertrand: Phụ tá rất trung thành của Napoléon, đã theo sát Hoàng đế trong bước suy vong cho đến lúc bị người Anh lưu đày trên đảo Sainte-Hélène phía Nam Đại Tây Dương thuộc nước Anh. Cũng chính Bertrand đã đem di cốt Napoléon về lại đất Pháp.

Ai đã từng đi nhiều đều biết rằng chẳng khách hàng nào khẩu ăn ngon bằng đám phu xe tải. Một chiếc xiên dài có con cu li béo, hai bên kèm một giây gà gô và gà rừng, đang được quay trên lò lửa. Trong nồi đang âm ỉ hai con chép lớn câu ở hồ Lauzet và một con cá của hồ Alloz.

Nghe mở cửa và có khách mới vào, chủ quán mắt vẫn không rời bếp, hỏi:

“Ông cần gì?”

“Ông cho ăn cơm và ngủ lại.”

“Vâng, dễ thôi.”

Bấy giờ chủ quán mới quay ra, nhìn người khách từ đầu đến chân một lượt rồi thêm:

“Chỉ cần trả tiền.”

Khách thò tay vào túi áo khoác lấy ra một chiếc ví da to.

“Tiền đây.”

“Thế thì có ngay.”

Khách bỏ ví vào túi, cởi chiếc ba lô, đặt xuống đất gần bên cửa sổ rồi xách gậy đến ngồi trên chiếc ghế đầu gần lò sưởi. Thành phố Digne ở miền núi, đêm tháng Mười thường lạnh.

Chủ quán vừa đi đi lại lại vừa ngắm kỹ khách.

“Đã sắp có cơm chưa?” khách hỏi.

“Lát nữa.”

Lúc khách đang ngồi sưởi, quay lưng lại, thì viên chủ quán Labarre móc túi lấy cây bút chì, xé một tờ báo cũ trên chiếc bàn cạnh cửa sổ, viết vài dòng gì đó vào chỗ mép trắng rồi gấp lại đưa cho một chú bé, chừng vừa là phụ bếp vừa là người đánh xe.

Chủ quán ghé vào tai thằng bé nói thào một câu, thằng bé liền cầm đầu chạy về phía thị sảnh.

Khách không hay biết gì cả, lại hỏi:

“Đã gần có cơm chưa?”

“Một lát nữa.”

Thằng bé cầm mảnh giấy trở về. Chủ quán đang nóng lòng chờ câu trả lời, vội vàng mở ra xem. Hắn ra vẻ chăm chú đọc rồi lắc đầu suy nghĩ một lúc. Rồi hắn bước lại gần người khách đang trầm ngâm, đáng lo lắng, âu sầu.

“Này ông, tôi không tiếp ông được.”

Khách giật mình nhồm lên:

“Sao vậy? Ông sợ tôi không có tiền trả à? Hay là tôi đưa trước cho ông? Tôi đã nói tôi có tiền mà.”

“Không phải thế.”

“Tại sao?”

“Ông có tiền...”

“Phải.”

“Nhưng tôi thì không có phòng.”

Khách ôn tồn bảo:

“Cho tôi xuống chuồng ngựa vậy.”

“Không được.”

“Sao thế?”

“Chuồng ngựa đầy ngựa rồi.”

“Thôi thì một xó trên gác xép cũng được. Một ổ rơm là đủ mà. Ăn xong rồi ta sẽ hay.”

“Tôi không thể dọn com cho ông ăn được.”

Câu trả lời khoan thai nhưng cứng cỏi làm cho khách biết có gì nghiêm trọng đây.

Khách đứng dậy:

“Thế à? Nhưng tôi đói lắm rồi. Cuộc bộ những mười hai dặm, từ sáng sớm đến giờ. Tôi có quýt đâu, tôi cần ăn mà.”

“Trong nhà chẳng còn thức gì cả.”

Khách phì cười, quay sang phía lò sưởi và chỗ bếp:

“Không còn gì! Còn những cái kia?”

“Đấy là của người ta đặt trước.”

“Ai đặt?”

“Các ông phu xe tải hàng.”

“Họ có bao nhiêu người?”

“Mười hai.”

“Đến hai mươi ăn cũng đủ nữa là.”

“Nhưng họ đã giữ hết và trả tiền trước cả rồi.”

Khách lại ngồi xuống, ôn tồn:

“Đây là hàng com, tôi đói, tôi cứ ở lại.”

Chủ quán bèn ghé vào tai khách, nói bằng một giọng làm cho khách phải giật mình:

“Đi ngay đi!”

Lúc ấy khách đang cúi xuống, lấy đầu gậy bịt sắt vun mấy cục than hồng trong lò lửa, bỗng quay ngoắt lại.

Khách vừa mở miệng định trả lời thì chủ quán nhìn chăm chăm vào mặt khách, vẫn thấp giọng nói tiếp:

“Này, đừng nhiều lời nữa. Anh có muốn tôi nói tên anh ra không? Anh là Jean Valjean. Anh còn muốn tôi lúi lý lịch anh ra ư? Lúc anh thoạt vào, tôi đã hơi ngờ ngờ, sai thằng ở ra hỏi ngoài thị sảnh thì người ta đã trả lời rồi đấy. Anh có đọc được không?”

Chủ quán vừa nói vừa gợn cho khách xem mảnh giấy mở sẵn vừa mới từ hàng com đưa ra thị sảnh và từ thị sảnh trở về hàng com.

Khách đưa mắt nhìn qua.

Chủ quán đứng lặng một lát rồi bảo:

“Tôi đây vẫn quen đối xử nhã nhặn với mọi người. Mời anh đi cho!”  
Khách cúi đầu, nhặt chiếc ba lô để dưới đất rồi bước ra.

Hắn cứ dọc theo đường phố lớn thẳng một mạch về phía trước, chẳng biết định đi đâu, men theo các tường nhà, như người bị sỉ nhục và buồn bã.

Nơi cửa hàng cơm, gã chủ quán, bọn khách trọ và người qua đường vây quanh, đang đứng trông theo, chỉ trỏ, nói năng lia lịa.

Người lạ không hề ngoái cổ. Nhưng giá có ngoái lại thì cứ nhìn về mặt nghi ngờ và kinh hãi của đám ấy, có lẽ hắn biết rồi đây chẳng mấy chốc cả thành phố sẽ vì hắn mà nhón nháo lên.

Hắn không nhìn thấy gì về cảnh ấy cả. Người đang đau khổ có quay nhìn lại sau lưng bao giờ! Họ thừa biết rằng vận đen vẫn đeo đuổi họ.

Hắn cảm đầu đi như thế hồi lâu, lang thang hết phố này sang phố nọ, chẳng biết đâu là đâu, quên cả mệt nhọc, như một người đang trong cơn buồn bực. Hắn đưa mắt nhìn quanh xem may ra có nơi nào trọ được. Hàng quán lịch sự thì hắn đã bị cấm cửa hắn; hắn định tìm một quán rượu nào thật tồi tàn, xơ xác.

Vừa lúc ấy, một ánh lửa lóe lên ở đầu phố; một cành thông treo lủng lẳng trên cái cần sắt in rõ lên nền trời trắng trắng hoàng hôn. Hắn ngắm hướng đó mà đi tới.

Thì ra đúng là một quán rượu. Một quán rượu ở phố Chaffaut.

Hắn dừng lại một lúc, đưa mắt nhìn vào bên trong qua cửa kính. Căn phòng thấp của ngôi hàng có chiếc đèn con để trên bàn và lửa cháy rần rật trong lò sưởi chiếu sáng. Vài ba người đang uống rượu. Chủ quán ngồi sưởi. Một chiếc nồi sắt treo trên lò, sôi sùng sục. Quán rượu đồng thời là quán cơm. Có hai cửa, một trông ra đường cái, một thông với cái sân con đầy ắp phân tro.

Hắn không dám bước vào cửa trước nên lên vào sân, tản ngán một lúc, rồi khe khẽ nâng then, đẩy cánh cửa.

Chủ quán hỏi:

“Ai đấy?”

“Một người muốn ăn cơm và nghỉ trọ.”

“Được. Ở đây có cả chỗ ăn và chỗ ngủ.”

Hắn bước vào. Bọn đang đánh chén quay cả lại. Hắn đứng giữa, một bên có ánh đèn chiếu sáng, một bên có ánh lửa. Trong khi hắn loay hoay bỏ chiếc ba lô trên vai xuống thì ai nấy đều nhìn hắn chăm chú.

Chủ quán bảo:

“Lò sưởi đây, bữa tối trong nồi kia. Anh bận lại sưởi cho ấm.”

Hắn đến ngồi sát bên lò, duỗi thẳng đôi chân đi bộ đau như ra trước đống lửa. Trong nồi, mùi thức ăn bay ra thơm phức. Trên khuôn mặt khuất sau chiếc mũ lưỡi trai đội thụp xuống,

phẳng phát một vẻ gì khoan khoái lẫn trong cái dáng đau thương của con người từng quen khổ nhục.

Thực ra, nhìn một bên, nét mặt hần rần rồi, cương quyết và buồn rầu. Kể thì cũng phức tạp: thoạt trông thì hình như khúm núm, nhìn kỹ lại như nghiêm nghị. Hai mắt sáng quắc dưới bộ lông mày trông chẳng khác gì ánh lửa dưới bụi rậm.

Trong bọn khách đang ngồi ở quán có một anh hàng cá, trước khi đến quán này đã qua nhà hàng Labarre gửi ngựa. Tình cờ xui khiến y gặp mặt người lạ mặt khả nghi lúc ban sáng đang thất thểu giữa quãng đường từ Bras d'Asse đến... (tôi quên mất tên chỗ đó, hình như Escoublon thì phải). Khi gặp y, người bộ hành đã vẻ rất mệt nhọc, có xin y cho ngồi nhờ sau yên ngựa; y chẳng nói chẳng rằng cứ ra roi thúc ngựa. Nửa giờ trước đây, y lại có mặt trong đám đông vây quanh Jacquin Labarre và chính miệng y đã thuật lại việc gặp gỡ bực mình ban sáng cho mọi người ở cửa hàng Croix-de-Colbas nghe.

Gã hàng cá ngồi yên tại chỗ, ra hiệu ngầm cho chủ quán. Chủ quán ghé lại gần, họ thì thầm với nhau. Khách lạ đang thù người nghĩ ngợi.

Chủ quán đến bên lò sưởi, đột ngột đặt bàn tay lên vai khách:

“Mày đi ra khỏi nhà này.”

Khách quay lại nhẹ nhàng đáp:

“A! Hóa ra anh cũng biết?”

“Phải.”

“Bên nhà hàng kia không tiếp tôi.”

“Và nhà hàng này thì đuổi mày đi.”

“Anh bảo tôi đi đâu bây giờ?”

“Đi chỗ khác.”

Người lạ mặt cúi nhặt chiếc gậy và xách ba lô lên. Mấy đứa trẻ con đi theo hần từ nhà hàng Croix-de-Colbas vẫn đứng chờ ở ngoài, thấy hần bước ra thì nhặt đá ném theo. Hần nổi giận quay trở lại, giơ chiếc gậy ra dọa, bấy giờ lũ trẻ con mới chịu chạy tản ra như một bầy chim.

Hần đi qua nhà lao. Cổng nhà lao có treo sợi xích buộc vào một cái chuông. Hần nắm sợi giây, giật. Một ô cửa nhỏ được mở.

“Ông gác ơi!” vừa nói người lạ vừa bỏ mũ, vẻ kính cẩn, “Ông làm ơn mở cửa cho tôi vào trọ đỡ đêm nay.”

Có tiếng trả lời:

“Nhà pha không phải là quán trọ. Anh cứ làm cho người ta bắt giam anh đi, tôi sẽ mở cửa cho.”

Ô cửa nhỏ đóng lại.

Người lạ rẽ sang một phố hẹp có nhiều khu vườn. Vài nơi bên ngoài chỉ hàng rào cây trồng vui mắt. Giữa quãng rào giậu ấy, hắn nhìn thấy ngôi nhà nhỏ một tầng, ánh sáng lọt qua cửa sổ. Hắn lại nhìn qua cửa kính như lúc đứng trước quán rượu ban nãy. Bên trong là một căn phòng rộng quét vôi trắng, một chiếc giường trải đệm bọc vải hoa, một chiếc nôi trẻ con ở góc nhà, mấy cái ghế gỗ và khẩu súng săn hai nòng treo trên tường.

Giữa phòng, bàn ăn đã bày sẵn. Ánh sáng cây đèn đồng tỏa lên tấm khăn bàn vải thô màu trắng, chiếu lóe cái bình thiếc lấp loáng như bạc đựng đầy rượu và liễn súp màu nâu đang bốc khói nghi ngút.

Bên bàn, một người đàn ông trạc độ bốn mươi, vẻ mặt tươi vui, đang đùa với đĩa con nhỏ nhún nhảy trên đùi mình. Bên cạnh, người vợ trẻ măng vạch áo cho một đĩa trẻ khác bú. Anh chồng cười, đĩa con cười, chị vợ mỉm cười.

Người lạ mặt mơ màng ngắm cảnh gia đình đầm ấm ấy lúc lâu. Hắn đang nghĩ gì? Chỉ mỗi hắn biết. Có lẽ hắn cho rằng gia đình vui vẻ này hắn là hiếu khách và ở một nơi tràn đầy hạnh phúc như thế hắn sẽ tìm được một chút tình thương chăng?

Hắn giơ tay gõ rất khẽ vào cánh cửa.

Không ai nghe tiếng.

Hắn gõ lần nữa.

Có tiếng người vợ bảo chồng:

“Này mình, hình như có ai gọi cửa.”

Anh chồng đáp:

“Đâu có.”

Hắn lại gõ lần thứ ba.

Anh chồng đứng dậy, cầm đèn ra mở cửa.

Chủ nhà dáng cao lớn, nửa ra vẻ nông dân, nửa ra vẻ thợ thủ công. Anh ta khoác một chiếc tạp dề rộng bằng da, bên trái che đến ngang vai. Phần trên tạp dề bỏ đồ đạc cộm lên như một cái túi có nịt da giữ lại ở lưng: một cái búa, một chiếc khăn tay đỏ, một bao thuốc súng và đủ thứ linh tinh nằm trong đó.

Anh ta nghiêng đầu phía sau, chiếc sơ mi cổ rộng trễ xuống để lộ cái cổ trần lực lưỡng và trắng nõn.

Anh ta có đôi lông mày rậm, bộ râu quai nón đen nhánh, cặp mắt lồi, cái cằm nhọn, vầu; trên tất cả là dáng thoải mái của “con người đang ở nhà mình”, một dáng điệu khó thể diễn tả.

“Thưa ông, người bộ hành nói, xin lỗi ông. Ông có thể cho tôi một đĩa súp nhỏ và một xó trong nhà xe ngoài vườn để ngủ đêm nay không? Tôi xin gửi tiền hầu ông. Thưa ông có được không? Tôi xin trả tiền.”

“Anh là ai?”, chủ nhà hỏi.

“Tôi từ Puy-Moisson đến. Tôi đi bộ suốt từ sáng tới giờ, hàng mười hai dặm. Thưa ông có được không? Tôi xin trả tiền mà.”

“Người lương thiện xin trợ lại trả tiền khá thì việc gì mà từ chối?”, người nông dân đáp.  
 “Nhưng sao anh lại không vào nhà hàng?”

“Nhà hàng không có chỗ.”

“Không có chỗ? Vô lý! Hôm nay đâu phải phiên chợ chính hay phiên chợ bé gì? Thế anh đã vào quán Labarre chưa?”

“Thưa có.”

“Rồi sao?”

Người lạ mặt lúng túng:

“Không biết tại sao họ không chịu tiếp tôi.”

“Thế anh có lại nhà hàng anh tên gì đó ở phố Chauffaut?”

Người lạ càng thêm lúng túng. Hắn ngập ngừng:

“Ở đây họ cũng không tiếp.”

Chủ nhà sinh nghi, nhìn người lạ từ đầu đến chân rồi bắt thần kêu lớn, giọng như hét:

“Có lẽ anh là cái người mà...”

Anh ta đưa mắt nhìn người lạ lần nữa, rồi lùi lại ba bước, đặt cây đèn xuống bàn, vói tay lấy khẩu súng treo trên tường.

Nghe tiếng chồng kêu: “Có lẽ anh là cái người mà...”, chị vợ vội đứng dậy, ôm lấy hai con chạy nấp sau lưng chồng, không kịp kéo áo che ngực, cặp mắt hốt hoảng nhìn về phía người lạ, lăm lăm:

“Quân cướp đạo!”

Bấy nhiêu việc hình dung thì dài song chỉ xảy ra trong chốc lát. Chủ nhà dò xét người lạ một lúc như người ta quan sát một con rắn lục, rồi trở tay ra phía cửa:

“Cút đi!”

“Van ông, người lạ nói, xin ông cho một cốc nước.”

“Có họa một phát súng!”, anh nông dân trả lời.

Xong, anh ta sập cửa lại. Người lạ mặt nghe rõ anh ta kéo cả hai cái then lớn cài cửa. Một lát sau, cửa sổ cũng đóng nốt và có tiếng gióng sắt vang ra bên ngoài.

Trời mỗi lúc một tối. Gió núi thổi về lạnh buốt. Giữa làn ánh sáng lờ mờ của buổi chiều tàn, người lạ thấy trong một khu vườn gần đường có cái gì giống như một cái lều đắp bằng đất đỏ. Hắn quả quyết trèo qua hàng rào gỗ đi vào. Đến gần thì thấy đó chỉ là một túp lều với một lỗ hồng sát đất. Hắn nghĩ, có lẽ là túp lều của phu lục lộ. Bấy giờ hắn vừa đói lại vừa rét; đói thì đành ôm bụng chịu, nhưng rét thì ít nhất cũng tạm ẩn được vào đây vì lều của phu lục lộ ban đêm thường bỏ trống.

Hắn bèn nằm sấp xuống, chui qua lỗ hồng mà vào. Trong lều rất ấm, lại có cả ổ rơm khá êm.

Hắn nằm duỗi dài trên ổ, mệt quá không cựa quậy nổi.



Một lúc, thấy cái ba lô sau lưng vướng víu khó chịu, hắn nghĩ nếu đem nó kê làm gối thì hay quá nên vói tay cởi dây đeo. Bỗng có tiếng gầm gừ dữ tợn vang lên. Hắn nhìn ra thì thấy đầu một con chó kéch xù hiện trong bóng tối ngay chỗ lỗ ra vào.

Thì ra đó là một cái ổ chó.

Hắn vốn lực lưỡng và là một tay không vừa nên vói lấy cây gậy, giơ ba lô lên làm khiên chắn, rồi cố lách ra khỏi chuồng mặc cho quần áo thêm tươm nát. Hắn cũng muốn ra khỏi vườn, vừa lùi bước vừa hoa cây gậy theo thế võ mà bạn nhà nghề mệnh danh là “thế che hoa” để dọa con chó.

Sau khi đã chật vật lắm mới vượt được hàng rào gỗ ra đến ngoài đường cái, hắn lại càng thấy mình trợ vợ không nhà cửa, không nơi nương tựa, thậm chí chui vào nằm trên rom trong một cái ổ khốn nạn mà cũng bị chó đuổi ra.

Hắn ngồi phịch xuống trên một hòn đá. Hình như lúc ấy có người đi qua và nghe hắn than nhỏ:

“Thân ta thật không bằng một con chó!”

Một lát sau hắn đứng dậy, lê bước ra khỏi thành phố, hy vọng tìm được gốc cây hay đồng rạ ngoài đồng để trú tạm. Hắn cảm đầu đi được lúc lâu. Khi đã thấy xa nơi nhà cửa có người ở rồi hắn mới ngược mắt nhìn quanh một lượt. Thì ra hắn đang ở giữa cánh đồng. Trước mặt là một quả đồi thấp đã gặt xong, còn trợ gốc rạ trông như cái đầu húi trợ.

Chân trời tối mịt. Đêm đã đến. Lại thêm những đám mây rất thấp trông như tựa lên đỉnh đồi và lan rộng. Trăng sắp mọc, lưng trời cũng còn mơ hồ chút ánh sáng thừa của hoàng hôn, nên từ các vòm mây, tia sáng heo hắt ấy lại tỏa xuống cánh đồng.

Mặt đất trông rõ hơn nền trời, làm thành một ảnh tượng ghê rợn. Quả đồi trợ trợ mảnh mai in hình mờ nhạt lên chân trời tối sẫm trước mặt. Quang cảnh thật gớm ghiếc, bé nhỏ, nã nề, chật chội. Dưới ruộng, trên đồi không còn gì khác ngoài một thân cây hình dáng kỳ dị đang quần quai run rẩy ngay gần khách bộ hành.

Có nhiên hắn không phải là một con người thông minh, tế nhị, quen cảm xúc trước những vẻ bí ẩn của tạo vật, nhưng trong cảnh đất trời, núi đồi, đồng ruộng, cả hình dáng gốc cây lúc bấy giờ đều như có cái gì tiêu điều vô hạn, khiến hắn phải lặng người đi, mơ màng một lúc, rồi bỗng quay gót trở lại. Lắm khi Thiên Nhiên cũng có vẻ thù ghét con người là thế.

Hắn quay lui về đường cũ.

Bấy giờ cổng thành đã đóng. Digne trước kia, hồi thời kỳ chiến tranh tôn giáo đã lắm lần đương đầu với nhiều cuộc bao vây, nên đến năm 1815 hãy còn giữ những tường lũy cũ với cái lô cốt vương đã bị phá từ dạo ấy.

Hắn trèo qua chỗ tường đổ để vào trong phố.

Lúc ấy khoảng tám giờ tối. Không thuộc đường xá nên hắn lại vẫn lang thang như trước. Đi mãi đến dinh tỉnh trưởng rồi tới chủng viện. Khi qua quảng trường nhà thờ lớn, hắn hẳn học giờ quả đấm lên giáo đường.

Ở góc quảng trường có một nhà in. Đây là nơi in đầu tiên các bảng tuyên cáo của hoàng đế và của ngự lâm quân gửi cho quân đội. Các bảng tuyên cáo này từ đảo Elbe đem về và do đích thân Napoléon đọc cho người ta chép. Cuối cùng thấy trong người rã rời, lại hết phương mong mỏi, hắn đến nằm lãn trên chiếc ghế đá trước cửa nhà in.

Một bà già từ trong nhà thờ đi ra, thấy hắn nằm trong bóng tối, cất tiếng hỏi:

“Ông bạn kia làm gì ở đây?”

Hắn nổi xung gất:

“Bà không thấy à, bà già tốt bụng? Nằm ngủ chứ còn làm gì nữa?”

Bà già là Hầu tước phu nhân R. vốn là người tốt bụng thật.

“Nằm trên ghế đá này à?”, bà lại hỏi.

“Mười chín năm nằm trên đệm gỗ, nay nằm đệm đá cũng được chứ sao?”

“Có phải trước kia anh đi lính?”

“Phải, đi lính.”

“Sao lại không vào quán trọ?”

“Tôi không có tiền.”

“Rủi quá, bà R. nói, tôi chỉ còn bốn xu trong túi.”

Hắn cầm tiền. Bà R. lại bảo:

“Bấy nhiêu không đủ trả tiền trọ đâu, nhưng anh đã hỏi thử chỗ nào chưa? Chứ nằm cả đêm trên ghế này sao mà được? Chắc anh đang đói và rét. Người ta cũng có thể làm phúc cho anh ngủ nhờ chứ?”

“Tôi đã gõ cửa hết mọi nhà.”

“Rồi sao?”

“Đâu họ cũng đuổi.”

Bà già phúc đức chạm tay vào người lạ, chỉ cho hắn ngôi nhà thấp nhỏ nằm bên kia quảng trường, cạnh dinh Giám mục:

“Anh bảo rằng đã gõ khắp các cửa rồi?”

“Phải.”

“Vậy anh đã gõ cửa nhà kia chưa?”

“Chưa.”

“Đến đấy gõ xem.”

□

